CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 505

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quí IV năm 2010

Đơn vị tính : Đồng

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm	
				Năm trước	Năm nay
1	2	3		4	5
I	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh**				
1	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và D. thu	1		256,862,636,864	354,479,476,034
2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2		(182,534,042,235)	(274,066,348,753)
3	Tiền chi trả cho người lao động	3		(42,092,511,843)	(55,359,249,515)
4	Tiền chi trả lãi	4		(332,246,169)	(3,647,355,295)
5	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh	5		(366,227,136)	(2,555,445,015)
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh	6		1,664,255,186	2,116,324,542
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh	7		(39,116,435,795)	(57,394,080,895)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		***(5,914,571,128)***	***(36,426,678,897)***
II	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư**				
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản d	21		(25,714,198,005)	(5,212,285,505)
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản	22		155,700,000	45,018,000
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đ.vị k	24			
5	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(822,500,000)	(3,109,300,000)
6	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		9,347,576,959	
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1,218,243,267	570,406,177
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		***(15,815,177,779)***	***(7,706,161,328)***
III	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính**				
1	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ	31			
2	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ SH, mua lại CP đã p	32			
3	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		21,641,932,536	56,943,590,545
4	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(5,051,095,818)	(24,033,867,332)
5	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(5,511,208,000)	(4,979,200,000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		***11,079,628,718***	***27,930,523,213***
IV	**Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ**	**50**		**(10,650,120,189)**	**(16,202,317,012)**
V	**Tiền và tương đương tiền đầu kỳ**	**60**		**30,641,678,119**	**19,991,557,930**
	ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61			
VI	**Tiền và tương đương tiền cuối kỳ**	**70**	**VII.34**	**19,991,557,930**	**3,789,240,918**

Gia Lai, ngày 20 tháng 01 năm 2011

Lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
Phạm Văn Khôi	Vũ Sơn Thủy	Đặng Quang Đạt